

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học
của Trường Đại học Nha Trang**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-KĐCLGDTL ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 22 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 05 chương trình đào tạo Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Trường Đại học Nha Trang. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Trường Đại học Nha Trang đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Trường Đại học Nha Trang sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Trường Đại học Nha Trang theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Nha Trang;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học
của Trường Đại học Nha Trang**

(Kèm theo Nghị quyết số 135/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	5	4,29	7	100
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	4,00	6	100
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4.00	47	94



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Nghị quyết số 135/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Các chuẩn đầu ra của CTĐT đã nêu được cụ thể các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Quá trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan. Chuẩn đầu ra của CTĐT được công bố công khai trên các trang thông tin điện tử, fanpage của Khoa và Nhà trường.

2. Bản mô tả CTĐT được xây dựng có đầy đủ thông tin theo quy định, được cập nhật bổ sung, cải tiến, làm rõ tính liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; sự đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT thông qua ma trận kỹ năng với các mức I (Introduced), R (Reinforced) và M (Mastery). 100% học phần trong CTĐT có đề cương học phần và đề cương chi tiết, được ban hành theo mẫu chuẩn, được định kỳ rà soát, cập nhật và bổ sung. Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần được công khai minh bạch trên nhiều kênh (website Trường, Khoa, hệ thống E-learning, ở tuần sinh hoạt đầu khóa, tuần học đầu tiên của học kỳ, ở học phần nhập môn ngành, v.v.), giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông tin.

3. CTĐT được thiết kế khoa học, bám sát chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có sự tham chiếu CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước. Các học phần được bố trí theo lộ trình hợp lý, liên thông từ cơ sở đến chuyên ngành, với ma trận thể hiện rõ sự đóng góp vào chuẩn đầu ra. phương pháp giảng dạy - học tập đa dạng (thuyết giảng, thảo luận, dự án, thực hành, E-learning), kết hợp với các hình thức đánh giá phong phú, khách quan. Tỷ lệ tín chỉ bắt buộc/tự chọn và phân bổ giữa các học kỳ cân đối, tạo sự linh hoạt cho sinh viên theo hai định hướng chuyên sâu. CTĐT được rà soát, cập nhật định kỳ với sự tham gia của giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và doanh nghiệp, bảo đảm tính thực tiễn và hội nhập.

4. Nhà trường đã ban hành văn bản chính thức về triết lý và mục tiêu giáo dục, có sự tham gia góp ý của toàn thể cán bộ, viên chức, thể hiện tính pháp lý, sự đồng thuận và cam kết định hướng giáo dục. Triết lý và mục tiêu giáo dục được phổ biến rộng rãi qua email, website và các sự kiện lớn, nâng cao mức độ nhận diện của các bên liên quan. Giảng viên đã lồng ghép triết lý và mục tiêu giáo dục

vào giảng dạy; sử dụng tổ hợp phương pháp giảng dạy đa dạng (thuyết giảng, thảo luận, dạy học dựa trên đề án/dự án, seminar, thực hành, E-learning) phù hợp với từng loại học phần. Việc triển khai linh hoạt các phương pháp giảng dạy bảo đảm phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT, khuyến khích tính chủ động, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Các đề cương chi tiết học phần đều mô tả rõ phương pháp giảng dạy, học tập, tự học và nghiên cứu, nhấn mạnh rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và năng lực học tập suốt đời.

5. Nhà trường đã ban hành đầy đủ, phổ biến và công khai các quy chế, quy định và hướng dẫn liên quan đến kiểm tra - đánh giá kết quả học tập, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công bằng. giảng viên được hỗ trợ nhiều tài liệu chuyên môn (sổ tay phương pháp giảng dạy và đánh giá, hướng dẫn xây dựng rubric, tập huấn E-learning, hướng dẫn sử dụng phương pháp kiểm tra - đánh giá theo chuẩn đầu ra). Hình thức kiểm tra - đánh giá đa dạng (quá trình, giữa kỳ, cuối kỳ, tiểu luận, thuyết trình, thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp...), gắn với chuẩn đầu ra, đo lường cả kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các tiêu chí đánh giá rõ ràng, minh bạch, được công bố ngay từ đầu học phần qua đề cương chi tiết học phần và hệ thống E-learning. Cơ chế phản hồi được thực hiện kịp thời qua hệ thống quản lý đào tạo, giúp sinh viên nắm bắt kết quả học tập và điều chỉnh kế hoạch học tập. Quy trình phúc khảo và khiếu nại kết quả học tập được quy định chi tiết, dễ tiếp cận, với thời hạn xử lý rõ ràng và công khai, sinh viên hài lòng với tính minh bạch và công bằng của công tác đánh giá.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa có tỷ lệ chức danh khoa học cao (18,9%), tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 60,4%, vượt xa mục tiêu Chiến lược của Trường (40%). Tỷ lệ người học/giảng viên trong các năm học đảm bảo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường, được người học đánh giá cao. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường, của Khoa và nhu cầu phát triển của cá nhân. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng, triển khai thực hiện. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học, thể hiện rõ nhiệm vụ/công việc, sản phẩm, chỉ tiêu đo lường, thời hạn hoàn thành, đơn vị thực hiện. Các loại hình, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể, rõ ràng. Kết quả đánh giá về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, có nhiều bài báo công bố trên các tạp chí WoS/SCOPUS và tham luận trong các hội thảo khoa học nước ngoài.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, phát triển theo Chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn, bảo đảm về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng

bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường và nhu cầu phát triển của cá nhân. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên được xây dựng, triển khai thực hiện; kết quả đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học, thể hiện rõ nhiệm vụ/công việc, sản phẩm, chỉ tiêu đo lường, thời hạn hoàn thành và đơn vị thực hiện.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được rà soát, đánh giá hằng năm. Việc giám sát sự tiến bộ của người học được quy định rõ ràng và phân công thực hiện cụ thể. Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, tư vấn việc làm cho người học được phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị và triển khai được nhiều hoạt động rèn luyện kỹ năng và tư vấn việc làm cho người học. Trường chú trọng việc xây dựng môi trường tâm lý, văn hoá, học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học. Trường có khuôn viên rộng rãi với nhiều cây xanh, cây cảnh, đường hoa, môi trường, cảnh quan đẹp, sạch sẽ được giảng viên và người học đánh giá cao. Việc kiểm tra các điều kiện an toàn được thực hiện thường xuyên.

9. Nhà trường có diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng vượt mức yêu cầu bình quân theo quy định. Cơ sở đào tạo chính của Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện rộng rãi, có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện, có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (KIPOS). Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chung và chuyên ngành đáp ứng yêu cầu, được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hằng năm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập dựa trên các quy định hiện hành, được quản lý, triển khai thực hiện và giám sát.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá, việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả người học được hướng dẫn cụ thể nhằm bảo đảm sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Viện xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, có cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Thực hiện thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp. Ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Bổ sung, điều chỉnh học phần để nhấn mạnh thế mạnh đặc thù của Trường về khoa học - công nghệ biển và thủy sản, qua đó khẳng định tính khác biệt của CTĐT; thể hiện rõ định hướng đào tạo theo nghiên cứu hoặc ứng dụng trong mục tiêu CTĐT; căn rà soát, cụ thể hóa các chuẩn đầu ra còn chung chung, sử dụng thang đo Bloom, xây dựng chỉ số đo lường (PI) và bổ sung chuẩn đầu ra về kỹ năng truyền đạt, phổ biến kiến thức trong môi trường làm việc để đảm bảo đầy đủ năng lực theo Khung trình độ quốc gia; mở rộng, đa dạng hóa kênh lấy ý kiến từ doanh nghiệp, cựu sinh viên và các bên liên quan nhằm nâng cao tính thực tiễn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội.

2. Cập nhật bản mô tả CTĐT, bổ sung đầy đủ đề cương học phần, trong đó thể hiện rõ phương pháp dạy - học, phương pháp đánh giá gắn với chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT; rà soát, bổ sung bảng ma trận CLO - PLO của một số đề cương học phần và rubric đánh giá để đảm bảo tính thống nhất theo quy định của Nhà trường; tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ môn phụ trách học phần với Bộ môn quản lý CTĐT và ban chủ nhiệm CTĐT, có cơ chế giám sát chặt chẽ nhằm bảo đảm đồng bộ, nhất quán trong quá trình cập nhật; xây dựng và ban hành quy định thống nhất về việc công bố đầy đủ cả đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần trên hệ thống E-learning.

3. Bổ sung học phần đặc thù gắn với tầm nhìn - sứ mạng của trường về khoa học, công nghệ biển và thủy sản, khẳng định thế mạnh riêng của CTĐT; mở rộng tín chỉ thực tập, học phần thực hành và các chuyến tham quan để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; bổ sung học phần bổ trợ kỹ năng nghề nghiệp cuối khóa (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm) và nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên; xây dựng các PI và chọn các học phần cốt lõi giúp đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như rà soát lại mức độ đóng góp I, R, M của tất cả các học phần đối với chuẩn đầu ra; đổi mới phương pháp dạy - học - đánh giá: đa dạng hóa theo hướng chủ động (project-based, case study, seminar...), chuẩn hóa ma trận CLO

- PLO và rubric đánh giá; tăng cường gắn kết doanh nghiệp, thiết lập cơ chế góp ý thường xuyên vào CTĐT và phương pháp đào tạo, đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng nhu cầu thị trường; bố trí chương trình dạy học cân đối hơn, tránh quá tải cho sinh viên năm cuối; cân nhắc phát triển CTĐT bậc Kỹ sư để tăng tính cạnh tranh và tuyển sinh.

4. Triển khai khảo sát định kỳ để đánh giá mức độ hiểu và thực hiện triết lý, mục tiêu giáo dục của viên chức, giảng viên và người học; công bố toàn văn triết lý, mục tiêu trên các kênh chính thức (website, cổng thông tin, bản tin điện tử) và đa dạng hóa kênh truyền thông (sự kiện, mạng xã hội) để nâng cao mức độ nhận diện trong cộng đồng; chuẩn hóa và phát huy hiệu quả E-learning, quy định thống nhất việc đăng tải đầy đủ giáo trình, tài liệu và hoạt động học tập trên hệ thống E-learning, giám sát thực hiện để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong hỗ trợ học tập; khuyến khích và hỗ trợ giảng viên áp dụng thường xuyên các phương pháp tích cực như seminar, project-based learning, problem-based learning và các hoạt động trải nghiệm, nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và thói quen học tập suốt đời cho sinh viên.

5. Xác định rõ các học phần cốt lõi để đánh giá chuẩn đầu ra, đồng thời phân tích chi tiết từng câu hỏi thi/kiểm tra nhằm đo lường chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra; đa dạng hóa công cụ và phương pháp đánh giá (rubric chi tiết, dự án, tình huống thực tế), chuẩn hóa tỷ lệ phân bổ điểm và yêu cầu đánh giá trong đề cương học phần, giúp sinh viên chủ động lập kế hoạch học tập; mở rộng số lượng học phần có ngân hàng đề thi gắn với chuẩn đầu ra, thiết lập cơ chế phân tích kết quả thi theo từng câu hỏi để đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng; hoàn thiện quy trình phúc khảo, công bố rõ ràng, dễ tiếp cận, tổ chức thống kê, theo dõi, khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với quy trình phúc khảo; triển khai hình thức trực tuyến trên hệ thống đào tạo để thuận tiện và minh bạch hơn; xây dựng quy trình thống nhất về phản hồi kết quả học tập tổng thể (bao gồm cảnh báo học vụ), điều chỉnh thời gian công bố điểm và mở đăng ký học phần kế tiếp hợp lý, tổ chức khảo sát định kỳ về tính kịp thời và hiệu quả phản hồi để phục vụ cải tiến.

6. Rà soát chính sách phát triển, chính sách thu hút, đãi ngộ để thu hút được giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh khoa học và có trình độ tiến sĩ; điều chỉnh quy định về khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên tạo động lực cho nghiên cứu khoa học, xác định khối lượng phục vụ cộng đồng tối thiểu cho từng chức danh, học vị tương tự như giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; rà soát, điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng để có thể tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc làm trợ giảng, cử đi đào tạo ở nước ngoài, trở về làm giảng viên, nghiên cứu viên; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực, đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên, nghiên cứu viên làm cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; khảo sát lấy ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên về nội dung, chất lượng, thời gian và tổ chức đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực thiết kế, phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá; thành lập các nhóm

nghiên cứu mạnh, nâng cao số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ/tỉnh.

7. Định kỳ khảo sát các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, sử dụng kết quả khảo sát trong các phân tích dự báo về phát triển đội ngũ nhân viên; có chính sách thu hút và hình thức truyền thông tốt hơn nữa để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ, bổ sung các tiêu chí định lượng để đo lường chính xác, công bằng hơn năng lực của từng vị trí nhân viên; phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Tăng cường các hoạt động hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh, nhất là tại các tỉnh ngoài tỉnh Khánh Hòa; thường xuyên tổ chức thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyển sinh, có thêm các chính sách đột phá về tuyển sinh để nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh; xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học riêng cho ngành Kỹ thuật môi trường nhằm phát huy được thế mạnh của ngành; tăng cường ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin cho cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học để kịp thời có giải pháp giúp người học cải thiện kết quả học tập; xây dựng quy định, quy trình về việc tổng hợp đối sánh kết quả khảo sát người học về hoạt động hỗ trợ tư vấn người học theo từng Khoa và CTĐT, có báo cáo cải tiến và theo dõi kết quả cải tiến; ký kết các hợp đồng dịch vụ chuyên môn bên ngoài hoặc có chính sách phát huy hơn nữa vai trò của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong việc chăm sóc môi trường, cảnh quan của nhà trường.

9. Khảo sát, lấy ý kiến giảng viên, sinh viên toàn trường về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Phục vụ Trường học và tổng hợp theo từng đơn vị hoặc CTĐT; rà soát trang thiết bị tại giảng đường và phòng làm việc của giảng viên để nâng cấp, sửa chữa kịp thời hơn; rà soát toàn bộ tài liệu trong đề cương học phần để có kế hoạch phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021; tăng cường các bản in cho các giáo trình, tài liệu đang có tại thư viện; tổng hợp các số liệu về bạn đọc (giảng viên, sinh viên), kinh phí mua sắm học liệu theo từng Khoa/CTĐT để có kế hoạch cải tiến tốt hơn về học liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; tăng cường chất lượng khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên về tính đáp ứng của hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành, tiến hành tổng hợp, đối sánh định kỳ kết quả khảo sát để đưa ra các biện pháp cải tiến để hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hiệu quả hơn; có giải pháp cải thiện tốc độ đường truyền internet bảo đảm đáp ứng nhu cầu người học; cải tạo một số lối đi vào giảng đường, nhà làm việc cũ bảo đảm đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài trường khi xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng

dạy, kiểm tra đánh giá; thực hiện hoạt động dự giảng, bình giảng thường xuyên hơn làm cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; xem xét cải tiến nhận xét đánh giá; có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học để xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; xây dựng tiêu chí, quy trình lựa chọn các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT để mở rộng đối tượng đối sánh, trong đó có hoạt động đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm cũng như số lượng và loại hình nghiên cứu khoa học của người học cùng CTĐT để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hóa học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.